

GIÁO DỤC GIỚI TÍNH THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC: MÔ HÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

Văn Thị Kim Định

Trường Tiểu học Kết Đoàn, phường Bến Thành, TP.Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Giáo dục giới tính (GDGT) trong trường tiểu học đang trở thành một yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh xã hội hiện đại, khi trẻ em ngày càng tiếp cận sớm với các nguồn thông tin đa chiều, trong đó có nhiều nội dung liên quan đến giới tính. Tuy nhiên, thực tế triển khai GDGT hiện nay vẫn còn mang tính lỏng lẻo, thiếu hệ thống và chưa đáp ứng định hướng phát triển năng lực của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Bài viết này tập trung xây dựng và phân tích mô hình tổ chức hoạt động GDGT cho học sinh khối 4, 5 theo tiếp cận năng lực, dựa trên cơ sở lý thuyết học tập trải nghiệm và giáo dục phát triển năng lực. Nghiên cứu không chỉ đề xuất cấu trúc hoạt động tích hợp mà còn làm rõ vai trò của trải nghiệm, tương tác và thực hành trong việc hình thành kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh. Kết quả thực nghiệm cho thấy mô hình có tác động tích cực đến nhận thức, thái độ và hành vi của học sinh, đồng thời góp phần tạo dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện và hiệu quả.

Từ khóa: giáo dục giới tính, phát triển năng lực, tiểu học, học tập trải nghiệm, kỹ năng tự bảo vệ.

SEX EDUCATION BASED ON A COMPETENCY-BASED APPROACH: A MODEL FOR ORGANIZING ACTIVITIES FOR PRIMARY SCHOOL STUDENTS

Abstract: Sex education in primary schools is becoming an urgent requirement in the context of modern society, as children increasingly have early access to diverse sources of information, including much content related to sexuality. However, the current implementation of sex education remains integrated, lacks a systematic approach, and does not meet the competency-based development orientation of the 2018 General Education Program. This article focuses on building and analyzing a model for organizing sex education activities for 4th and 5th grade students based on a competency-based approach, drawing on the theory of experiential learning and competency-based education. The study not only proposes an integrated activity structure but also clarifies the role of experience, interaction, and practice in forming self-protection skills for students. Experimental results show that the model has a positive impact on students' awareness, attitudes, and behavior, while contributing to creating a safe, friendly, and effective educational environment.

Keywords: sex education, competency development, primary school, experiential learning, self-protection skills.

Nhận bài: 05/03/2026

Phản biện: 26/03/2026

Duyệt đăng: 31/03/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh chuyển đổi mạnh mẽ của xã hội hiện đại, trẻ em ngày nay không còn là đối tượng thụ động tiếp nhận tri thức từ nhà trường mà đã trở thành những chủ thể tích cực trong quá trình tiếp cận và xử lý thông tin. Sự phát triển của công nghệ số, mạng xã hội và các phương tiện truyền thông đã tạo điều kiện cho trẻ tiếp xúc sớm với nhiều nội dung phức tạp, trong đó có các vấn đề liên quan đến giới tính. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với giáo dục giới tính, đặc biệt ở bậc tiểu học – giai đoạn nền tảng trong sự phát triển nhân cách và nhận thức của trẻ.

Học sinh khối 4, 5 (từ 9 đến 11 tuổi) đang bước vào giai đoạn tiền dậy thì, với những biến đổi rõ rệt về tâm sinh lý. Ở giai đoạn này, trẻ bắt đầu hình thành ý thức về bản thân, có nhu cầu tìm hiểu về cơ thể và sự khác biệt giới, đồng thời dễ bị ảnh hưởng bởi các nguồn thông tin không chính thống. Nếu không được định hướng đúng đắn, các em có thể tiếp nhận những nhận thức sai lệch, thiếu kỹ năng tự bảo vệ và dễ trở thành đối tượng bị tổn thương trong các tình huống nguy cơ.

Tuy nhiên, thực tiễn giáo dục hiện nay cho thấy việc triển khai GDGT trong nhà trường tiểu học còn nhiều hạn chế. Nội dung GDGT chủ yếu được lồng ghép trong một số môn học như Khoa học, Đạo đức hoặc Hoạt động trải nghiệm, nhưng thiếu tính hệ thống và chưa có kế hoạch xuyên suốt. Phương pháp giảng dạy vẫn mang nặng tính truyền thụ kiến thức, chưa chú trọng đến việc hình thành kỹ năng thực hành. Bên cạnh đó, tâm lý e ngại của giáo viên và phụ huynh khi đề cập đến các vấn đề nhạy cảm cũng là một rào cản lớn trong việc tổ chức GDGT hiệu quả.

Trong khi đó, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đặt ra yêu cầu chuyển từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực, nhấn mạnh việc phát triển phẩm chất và năng lực người học thông qua các hoạt động học tập tích cực. Điều này đòi hỏi GDGT không chỉ dừng lại ở việc cung cấp kiến thức mà phải hướng đến việc giúp học sinh biết cách vận dụng kiến thức vào thực tiễn, hình thành kỹ năng ứng xử phù hợp và năng lực tự bảo vệ bản thân.

Xuất phát từ những vấn đề trên, bài viết này tập trung nghiên cứu và đề xuất mô hình tổ chức hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh khối 4, 5 theo tiếp cận năng lực, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả GDGT trong nhà trường tiểu học hiện nay.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận và mô hình tổ chức hoạt động giáo dục giới tính theo tiếp cận năng lực

Trong giáo dục hiện đại, tiếp cận năng lực được xem là một trong những xu hướng cốt lõi, phản ánh sự chuyển dịch từ mô hình giáo dục truyền thống sang mô hình giáo dục phát triển toàn diện con người. Theo tiếp cận này, mục tiêu của giáo dục không chỉ là giúp người học “biết” mà quan trọng hơn là “làm được” và “vận dụng được” trong những bối cảnh cụ thể. Điều này đặc biệt phù hợp với giáo dục giới tính – một lĩnh vực gắn chặt với hành vi và kỹ năng sống của cá nhân.

Nếu trong cách tiếp cận truyền thống, GDGT chủ yếu tập trung vào việc cung cấp các kiến thức về cơ thể, sự phát triển sinh lý hay sự khác biệt giữa nam và nữ, thì trong tiếp cận năng lực, trọng tâm được chuyển sang việc hình thành khả năng nhận diện tình huống, đưa ra quyết định và hành động phù hợp. Nói cách khác, mục tiêu của GDGT không chỉ là giúp học sinh hiểu về giới tính mà còn giúp các em biết cách bảo vệ bản thân, tôn trọng người khác và xây dựng các mối quan hệ lành mạnh.

Song song với đó, lý thuyết học tập trải nghiệm cung cấp một cơ sở quan trọng cho việc thiết kế các hoạt động GDGT. Theo quan điểm này, quá trình học tập diễn ra hiệu quả nhất khi người học được tham gia trực tiếp vào các hoạt động thực tiễn, trải qua các giai đoạn trải nghiệm, phản tư, khái quát hóa và vận dụng. Đối với học sinh tiểu học, việc học thông qua trải nghiệm không chỉ giúp tăng cường hứng thú mà còn tạo điều kiện để các em ghi nhớ sâu sắc và hình thành kỹ năng một cách tự nhiên.

Trên cơ sở kết hợp hai hướng tiếp cận trên, mô hình tổ chức hoạt động GDGT được xây dựng theo hướng tích hợp, trải nghiệm hóa và lấy học sinh làm trung tâm. Nội dung GDGT không được triển khai rời rạc mà được hệ thống hóa thành các chủ đề xuyên suốt, phản ánh các khía cạnh cơ bản của giáo dục giới tính như nhận thức về cơ thể, sự khác biệt giới, an toàn cá nhân và ứng xử trong môi trường xã hội. Sự hệ thống hóa này giúp đảm bảo tính liên tục và logic trong quá trình giáo dục, đồng thời tạo điều kiện để giáo viên chủ động hơn trong việc thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học.

Điểm nhấn quan trọng của mô hình là cấu trúc hoạt động được thiết kế theo chu trình bốn giai

đoạn: khởi động, khám phá, luyện tập và vận dụng. Ở giai đoạn khởi động, các tình huống thực tiễn được sử dụng như một công cụ kích thích tư duy và tạo động lực học tập. Giai đoạn khám phá cho phép học sinh tiếp cận kiến thức mới thông qua các hoạt động tương tác như thảo luận nhóm, trò chơi hoặc quan sát tình huống. Tiếp đó, trong giai đoạn luyện tập, học sinh được tham gia vào các hoạt động đóng vai, xử lý tình huống nhằm rèn luyện kỹ năng. Cuối cùng, giai đoạn vận dụng giúp học sinh liên hệ kiến thức với thực tiễn, hình thành thái độ và hành vi phù hợp.

Cấu trúc này không chỉ đảm bảo tính logic của quá trình học tập mà còn phù hợp với đặc điểm tâm lý của học sinh tiểu học, vốn ưa thích hoạt động và dễ tiếp thu thông qua trải nghiệm. Đồng thời, việc tổ chức các hoạt động theo hướng này cũng góp phần giảm bớt sự khô khan và nhay cảm của nội dung GDGT, giúp học sinh tiếp cận một cách tự nhiên và thoải mái hơn.

2.2. Kết quả thực nghiệm và thảo luận

Để đánh giá hiệu quả của mô hình tổ chức hoạt động giáo dục giới tính theo tiếp cận năng lực, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát trước và sau khi triển khai đối với tổng số 424 học sinh khối 4 và 5. Kết quả khảo sát ban đầu cho thấy chỉ có 20,0% học sinh đạt mức nhận thức tốt (hiểu đúng và có khả năng tự bảo vệ), trong khi tỷ lệ học sinh ở mức trung bình chiếm tới 49,5% và nhóm hạn chế còn chiếm 30,5%. Điều này phản ánh thực trạng đáng quan ngại khi phần lớn học sinh chưa được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để ứng phó với các tình huống liên quan đến giới tính trong thực tiễn.

Sau khi triển khai mô hình, kết quả khảo sát cho thấy sự chuyển biến rõ rệt. Tỷ lệ học sinh đạt mức tốt tăng lên 61,3%, tức tăng hơn gấp ba lần so với trước can thiệp. Ngược lại, nhóm học sinh hạn chế giảm mạnh từ 30,5% xuống còn 8,0%, cho thấy tác động tích cực của các hoạt động trải nghiệm và thực hành trong việc hình thành năng lực cho học sinh. Đặc biệt, nhóm học sinh ở mức trung bình cũng giảm xuống còn 30,7%, cho thấy sự dịch chuyển rõ rệt từ nhận thức thụ động sang nhận thức chủ động và có khả năng vận dụng.

Nếu xét theo mức độ cải thiện tuyệt đối, tỷ lệ học sinh có năng lực tự bảo vệ tăng thêm 41,3 điểm phần trăm, trong khi tỷ lệ học sinh thiếu kỹ năng giảm tới 22,5 điểm phần trăm. Những con số này không chỉ phản ánh hiệu quả của mô hình mà còn khẳng định vai trò của phương pháp tổ chức hoạt động theo hướng trải nghiệm trong giáo dục giới tính.

Bên cạnh khảo sát học sinh, nghiên cứu cũng tiến hành khảo sát ý kiến của 424 phụ huynh nhằm đánh giá mức độ đồng thuận và hiệu quả phối hợp giáo dục. Kết quả cho thấy có tới 89,6% phụ huynh đánh giá cao nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động, trong khi tỷ lệ phụ huynh sẵn sàng phối hợp với nhà trường đạt 94,3%. Đây là một chỉ báo quan trọng cho thấy mô hình không chỉ tác động đến học sinh mà còn góp phần thay đổi nhận thức của gia đình – một yếu tố then chốt trong giáo dục giới tính.

Đáng chú ý, trước khi triển khai, vẫn còn một tỷ lệ đáng kể phụ huynh gặp khó khăn trong việc trao đổi với con về các vấn đề giới tính (khoảng 40–50% ở các mức độ khác nhau). Sau khi tham gia các hoạt động phối hợp với nhà trường, nhiều phụ huynh đã trở nên cởi mở hơn, chủ động hơn trong việc đồng hành cùng con. Điều này góp phần tạo nên sự thống nhất giữa giáo dục nhà trường và giáo dục gia đình, từ đó nâng cao hiệu quả tổng thể của quá trình giáo dục.

Các số liệu trên cho phép rút ra một số nhận định quan trọng. Thứ nhất, sự gia tăng mạnh mẽ của nhóm học sinh đạt mức nhận thức tốt cho thấy việc tổ chức hoạt động theo hướng trải nghiệm đã tạo điều kiện để học sinh chuyển hóa kiến thức thành kỹ năng. Đây là minh chứng rõ ràng cho tính hiệu quả của tiếp cận giáo dục năng lực trong lĩnh vực giáo dục giới tính.

Thứ hai, sự giảm đáng kể của nhóm học sinh hạn chế phản ánh khả năng “can thiệp sớm” của mô hình, đặc biệt đối với những học sinh dễ bị tổn thương hoặc thiếu định hướng. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc phòng ngừa các hành vi lệch chuẩn và nguy cơ xâm hại.

Thứ ba, mức độ hài lòng cao của phụ huynh cho thấy tính phù hợp của mô hình với bối cảnh văn hóa – xã hội hiện nay. Trong một xã hội mà việc trao đổi về giới tính vẫn còn nhiều rào cản, việc xây dựng được sự đồng thuận của phụ huynh là một thành công đáng ghi nhận.

Một điểm đáng chú ý khác trong quá trình triển khai mô hình là sự thay đổi về mặt cảm xúc và tâm lý học tập của học sinh. Không chỉ dừng lại

ở việc nâng cao nhận thức và kỹ năng, các hoạt động giáo dục giới tính theo tiếp cận năng lực còn góp phần tạo ra một môi trường học tập cởi mở, an toàn về tâm lý, nơi học sinh cảm thấy được tôn trọng và sẵn sàng chia sẻ. Thông qua các hoạt động trải nghiệm như thảo luận nhóm, đóng vai và xử lý tình huống, học sinh dần hình thành sự tự tin khi đề cập đến các vấn đề liên quan đến cơ thể và giới tính – vốn trước đây thường bị xem là “nhạy cảm” hoặc khó nói. Điều này không chỉ giúp giảm thiểu sự e ngại, xấu hổ mà còn góp phần xây dựng năng lực giao tiếp và khả năng ra quyết định trong những tình huống thực tiễn. Hơn nữa, việc học sinh được tham gia chủ động vào quá trình học tập còn thúc đẩy sự phát triển của tư duy phân biện, giúp các em biết phân biệt thông tin đúng – sai, đặc biệt trong bối cảnh các nguồn thông tin trên môi trường số ngày càng đa dạng và khó kiểm soát. Đây là một yếu tố quan trọng, góp phần đảm bảo tính bền vững của hiệu quả giáo dục mà mô hình mang lại.

III. KẾT LUẬN

Giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học, đặc biệt ở khối 4, 5, cần được nhìn nhận như một nội dung giáo dục thiết yếu, gắn liền với mục tiêu phát triển toàn diện con người trong bối cảnh hiện đại. Nghiên cứu này đã đề xuất một mô hình tổ chức hoạt động GDGT theo tiếp cận năng lực, kết hợp với lý thuyết học tập trải nghiệm, nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục thông qua việc tăng cường sự tham gia, tương tác và thực hành của học sinh.

Kết quả thực nghiệm cho thấy mô hình không chỉ giúp nâng cao nhận thức mà còn góp phần hình thành kỹ năng và thái độ tích cực cho học sinh, đồng thời tạo ra sự chuyển biến trong nhận thức của giáo viên và phụ huynh. Điều này khẳng định tính khả thi và hiệu quả của mô hình trong thực tiễn giáo dục tiểu học.

Trong tương lai, việc tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện mô hình theo hướng mở rộng phạm vi áp dụng, tích hợp với các nội dung giáo dục khác và tăng cường ứng dụng công nghệ số sẽ góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục giới tính, đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục trong thời đại hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). *Tài liệu hướng dẫn thực hiện giáo dục kỹ năng sống và giáo dục giới tính trong trường học*. Hà Nội.
- Kolb, D. A. (1984). *Experiential Learning: Experience as the Source of Learning and Development*. New Jersey: Prentice Hall.
- UNESCO. (2018). *International technical guidance on sexuality education: An evidence-informed approach*. Paris: UNESCO Publishing.
- WHO (World Health Organization). (2010). *Standards for sexuality education in Europe: A framework for policy makers, educational and health authorities and specialists*. Cologne: WHO Regional Office for Europe.